

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2020

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bách.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Liên và bà Trần Thị Luận.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:**  
Ông Phùng Văn Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/02/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2020, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 08/4/2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01 ngày 16/4/2020, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 01 ngày 27/4/2020, Quyết định thay đổi Hội thẩm nhân dân số 05 ngày 05/5/2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1977;

HKTT: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Có mặt tại phiên tòa.

**- Bị đơn:** Anh **Hoàng Đức V**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

**- Những người làm chứng:**

1) Bà Nguyễn Thị T- sinh năm 1960,

Địa chỉ: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương.

2) Bà Vương Thị M- sinh năm 1968,

Địa chỉ: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh Hải Dương.

3) Chị Bùi Thị N- sinh năm 1973,  
Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện K, tỉnh Hòa Bình.  
Đều vắng mặt tại phiên tòa.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày: Chị Bùi Thị L và anh Hoàng Đức V được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã M ngày 21/4/2003, hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau ngày cưới chị L về nhà anh V chung sống, vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh V rượu chè chửi bới đánh đập chị, khi có mâu thuẫn xảy ra không tìm được tiếng nói chung vì anh V sống gia trưởng, thiếu tôn trọng vợ con. Tháng 02/2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh V đánh đập đuổi chị nên chị đã dọn đồ về nhà đẻ tại tỉnh Hòa Bình ở đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy không thể chung sống cùng nhau được nên chị L xin ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị N- sinh ngày 17/11/2003, Hoàng Thị KL- sinh ngày 17/3/2008, Hoàng Thị KA- sinh ngày 27/12/2013, hiện cháu N đang ở cùng anh V còn cháu KL và KA đang ở với chị L. Khi ly hôn chị xin tiếp tục nuôi dưỡng cháu KL và KA, để anh V nuôi dưỡng cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Đến buổi họp công khai chứng cứ và hòa giải chị L thay đổi xin nuôi cháu KA, còn để anh V nuôi cháu N và KL.

Về tài sản chung, công sức: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2020 anh Hoàng Đức V trình bày: Anh V và chị L được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã M ngày 21/4/2003 rồi hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị L về nhà anh tại thôn U, xã M chung sống. Anh V làm lao động tự do, còn chị L thời gian đầu làm nông nghiệp sau đó đi làm công nhân thì bị tai nạn nên nghỉ một thời gian dài, xin đi làm lại nhưng chỉ được thời gian ngắn nghỉ việc. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày vợ chồng cũng bình thường, thỉnh thoảng cũng bất đồng về quan điểm sống, chị L sống thiếu tôn trọng anh V, không lo lắng cho chồng con và gia đình. Cách đây khoảng 02 năm trong lúc vợ chồng cãi vã nhau chị L tuyên bố vợ chồng tạm sống ly thân từ 3-5 năm và bỏ nhà đi đến nay thỉnh thoảng mới về nhà thăm con rồi lại đi ngay. Anh V hỏi về cuộc sống làm việc của chị L thì chị L giấu không cho biết nói là sẽ ly hôn với anh V. Từ khi kết hôn đến nay anh V tính được 18 năm thì chị L thực tế ở với anh V và các con được 4.657 ngày.

Anh V đã nhiều lần đến tìm đón chị L về đoàn tụ, lần cuối (lần thứ 4- ngày 02/9/2019) anh V bị gia đình nhà vợ đuổi hắt hủi không cho vào nhà mặc dù đường xa và vào ban đêm, yêu cầu anh V phải ly hôn với chị L. Nay anh V xác định quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn nhưng tha thiết muốn đoàn tụ, không muốn ly hôn. Còn nếu chị L cương quyết ly hôn anh V cũng đành chấp nhận ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị N- sinh ngày 17/11/2003, Hoàng Thị KL- sinh ngày 17/3/2008, Hoàng Thị KA- sinh ngày 27/12/2013. Hiện cháu N đang ở với anh V, còn cháu KL và KA đang ở với chị L. Anh V không muốn ly hôn nên các con muốn ở với ai là quyền của các cháu. Nguyên vọng của anh V là muốn nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công sức chung: Trước đây vợ chồng và anh hiện vẫn ở trên nhà đất của bố mẹ đẻ anh V, toàn bộ tài sản đều do mình anh V tạo dựng. Chị L không yêu cầu giải quyết về tài sản, công sức thì anh V cũng không yêu cầu giải quyết.

- Biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2020: Cháu Hoàng Thị N- sinh ngày 17/11/2003, có lời khai thể hiện nguyện vọng muốn ở với anh V; cháu Hoàng Thị KL- sinh ngày 17/3/2008 muốn ở với chị L, tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/4/2020 cháu KL thay đổi nguyện vọng muốn ở với anh V và thực tế đã về ở với anh V từ ngày 02/3/2020.

- Người làm chứng bà Vương Thị M, Nguyễn Thị T, Bùi Thị N cung cấp: Chị L và anh V được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn kết hôn năm 2003, có tổ chức đăng ký tại xã M và hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống. Sau ngày cưới chị L về nhà anh V chung sống. Bà M, T và N đều xác định vợ chồng chị L anh V cũng có mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, chị L thì cố chấp không chu toàn công việc gia đình còn anh V thì tính nóng nảy, khi nóng giận thì có uống rượu chửi bới vợ con. Chị L đã nhiều lần bỏ về nhà đẻ sống ly thân nhưng được gia đình động viên và anh V tìm đón nên lại về đoàn tụ, đến đầu năm 2018 vợ chồng lại đánh cãi nhau và chị L đã dọn đồ và đón con về nhà đẻ sống ly thân đến nay. Việc ly hôn hay đoàn tụ với nhau là quyền của chị L với anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Thị N- sinh ngày 17/11/2003, Hoàng Thị KL- sinh ngày 17/3/2008, Hoàng Thị KA- sinh ngày 27/12/2013, hiện cháu N đang ở cùng anh V còn cháu KL và KA đang ở với chị L.

Tại phiên toà: Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm như nội dung đã nêu ở trên.

Anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Bà Vương Thị M, Nguyễn Thị T và Bùi Thị N vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn đã cơ bản chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L ly hôn anh Hoàng Đức V. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị KA- sinh ngày 27/12/2013; Giao cho anh Hoàng Đức V tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị N- sinh ngày 17/11/2003, Hoàng Thị KL- sinh ngày 17/03/2008 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Chị L và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm con không ai được cản trở. Về tài sản, công sức chung: Không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Bị đơn anh V vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2; bà M, bà T, chị N vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh V, vắng mặt bà M, bà T, chị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Hoàng Đức V được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã M ngày 21/4/2003, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L và anh V thấy rằng: Vợ chồng kết hôn năm 2003, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh V tính tình nóng nảy, sống gia trưởng còn chị L tính cố chấp và

không chu toàn công việc nhà nên khi mâu thuẫn xảy ra đã không giải tỏa được; đã nhiều lần sống ly thân nhau, đặc biệt từ tháng 02/2018 đến nay. Chị L cương quyết ly hôn còn anh V muốn đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương án đoàn tụ và nếu chị L cương quyết thì anh V cũng đành chấp nhận ly hôn. Khi Tòa án đã triệu tập anh V đến Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần, anh biết nhưng không đến Tòa án, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng; Từ khi ly thân đến nay chị L và anh V không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê giải quyết cho chị L ly hôn với anh V.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị L và anh V có 03 con chung là Hoàng Thị N- sinh ngày 17/11/2003, Hoàng Thị KL- sinh ngày 17/3/2008, Hoàng Thị KA- sinh ngày 27/12/2013. Hiện cháu KA đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu N và KL đang do anh V nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị L muốn nuôi dưỡng cháu KA còn để cháu N và KL cho anh V nuôi dưỡng; anh V thì muốn nuôi dưỡng cả 03 con chung; nguyện vọng của cháu N muốn ở với anh V, riêng cháu KL trước đó có nguyện vọng ở với chị L nhưng sau đó thay đổi nguyện vọng muốn ở với anh V và thực tế đã về ở với anh V từ ngày 02/3/2020 đến nay. Nguyện vọng của chị L và anh V đều là chính đáng, nguyện vọng của các cháu N, KL cần được chấp nhận. Vì vậy, giao cho chị Bùi Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị KA- sinh ngày 27/12/2013; Giao cho anh Hoàng Đức V tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị N- sinh ngày 17/11/2003, Hoàng Thị KL- sinh ngày 17/03/2008 đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm con không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công sức chung: Chị L và anh V không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L ly hôn anh Hoàng Đức V.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị KA- sinh ngày 27/12/2013; Giao cho anh Hoàng Đức V tiếp tục nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị N- sinh ngày 17/11/2003, Hoàng Thị KL- sinh ngày 17/03/2008 đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị L và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công sức chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0008475 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trọng Bách**